

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Phí sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**  
**KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ CHÍN**  
(Từ ngày 08 đến ngày 09 tháng 7 năm 2014)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 80/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ về quản lý cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 50/TTr-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2014 của UBND tỉnh Cà Mau về việc ban hành Phí sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Cà Mau và Báo cáo thẩm tra số 16/BC-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2014 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa VIII, kỳ họp thứ Chín đã thảo luận và thống nhất,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành Phí sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau:

**1. Tổ chức thu phí**

Các đơn vị được cấp có thẩm quyền giao quản lý, khai thác các cảng cá, bến cá (gọi chung là cảng cá) và khu neo đậu tránh trú bão kết hợp với cảng cá có nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

## 2. Đối tượng nộp phí

Các tổ chức, cá nhân có phương tiện cập cảng (vào, ra), vận chuyển hàng hóa qua cảng cá; neo đậu tại khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

## 3. Đối tượng tính phí

- a) Tàu thuyền cập cảng, phương tiện vận tải vào, ra cảng cá;
- b) Tàu thuyền neo đậu tại khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trong thời gian không có bão, áp thấp nhiệt đới;
- c) Hàng hóa qua cảng cá.

## 4. Mức thu phí

a) Mức thu phí đối với Cảng cá Cà Mau:

- Tàu thuyền đánh cá cập cảng (không quá 12 giờ):

STT	Đối tượng tính phí	Đơn vị tính	Mức thu
01	Phương tiện có công suất từ 6 đến dưới 20 CV	Đồng/lần	5.000
02	Phương tiện có công suất từ 20 đến 50 CV	Đồng/lần	10.000
03	Phương tiện có công suất trên 50 đến 90 CV	Đồng/lần	20.000
04	Phương tiện có công suất trên 90 đến 200 CV	Đồng/lần	30.000
05	Phương tiện có công suất trên 200 CV	Đồng/lần	50.000

- Tàu thuyền vận tải cập cảng (không quá 12 giờ):

STT	Đối tượng tính phí	Đơn vị tính	Mức thu
01	Phương tiện có trọng tải dưới 05 tấn	Đồng/lần	10.000
02	Phương tiện có trọng tải từ 05 đến 10 tấn	Đồng/lần	20.000
03	Phương tiện có trọng tải trên 10 đến 100 tấn	Đồng/lần	50.000
04	Phương tiện có trọng tải trên 100 tấn	Đồng/lần	80.000

Trong trường hợp phương tiện cập cảng quá 12 giờ thì thu thêm 20% cho mỗi 12 giờ tiếp theo, nhưng tổng mức thu không vượt quá 200% mức thu nêu trên cho cùng loại phương tiện một lần cập cảng.

- Phương tiện vận tải và phương tiện khác vào, ra cảng:

STT	Đối tượng tính phí	Đơn vị tính	Mức thu
01	Xe máy	Đồng/lần	1.500
02	Phương tiện có trọng tải dưới 01 tấn	Đồng/lần	7.000
03	Phương tiện có trọng tải từ 01 đến 2,5 tấn	Đồng/lần	15.000
04	Phương tiện có trọng tải trên 2,5 đến 05 tấn	Đồng/lần	20.000
05	Phương tiện có trọng tải trên 05 đến 10 tấn	Đồng/lần	30.000
06	Phương tiện có trọng tải trên 10 tấn	Đồng/lần	40.000

- Hàng hóa qua cảng:

STT	Đối tượng tính phí	Đơn vị tính	Mức thu
01	Hàng thủy, hải sản, động vật sống	Đồng/tấn	15.000
02	Hàng hóa là Container		
	- Loại 40 feet	Đồng/Container	55.000
	- Loại 20 feet	Đồng/Container	35.000
03	Các loại hàng hóa khác	Đồng/tấn	6.000

b) Mức thu phí đối với các cảng cá khác:

- Mức thu phí Cảng cá Sông Đốc bằng 90% mức thu phí của Cảng cá Cà Mau;

- Mức thu phí các cảng cá còn lại trên địa bàn tỉnh bằng 80% mức thu phí của Cảng cá Cà Mau.

c) Mức thu phí tàu thuyền đánh cá, vận tải vào neo, đậu tại khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trong thời gian không có bão, áp thấp nhiệt đới được tính theo loại cảng cá và mức thu phí của cùng loại đối tượng tàu thuyền cập cảng cá tại điểm a, điểm b, khoản 4 Điều này, cụ thể như sau:

- Phương tiện neo đậu đến 24 giờ mức thu phí bằng 50%;

- Trong trường hợp phương tiện neo đậu quá 24 giờ thì thu thêm 25% cho mỗi 24 giờ tiếp theo, nhưng tổng mức thu không vượt quá 200% mức thu nêu trên cho cùng loại phương tiện một lần vào neo đậu.

d) Thu phí theo tháng, quý, năm:

Đối với phương tiện thường xuyên sử dụng cảng cá, có nhu cầu nộp phí theo tháng, quý, năm thì do người nộp phí và người thu phí thỏa thuận thống nhất số lần phương tiện cập cảng, vào ra cảng bình quân để tính số phí phải nộp theo tháng, quý, năm.

- Nộp phí tháng (nộp vào đầu tháng) được giảm 5% so với số phí phải nộp.

- Nộp phí quý (nộp vào đầu quý) được giảm 10% so với số phí phải nộp.

- Nộp phí năm (nộp vào đầu năm) được giảm 20% so với số phí phải nộp.

## **5. Đối tượng miễn thu phí:**

a) Các đơn vị làm nhiệm vụ công vụ như: Biên phòng, Quân đội, Công an, cơ quan bảo vệ nguồn lợi thủy sản, cứu hộ, cứu nạn và các phương tiện được huy động tham gia cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai.

b) Xe mô tô, ô tô của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và người lao động trong khu vực cảng cá sử dụng để đi lại, không sử dụng làm phương tiện vận chuyển hàng hóa.

## **6. Quản lý, sử dụng tiền thu phí**

Tiền thu phí để lại 90% cho đơn vị thu phí thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo quy định hiện hành đối với đơn vị sự nghiệp có thu; 10% nộp ngân sách Nhà nước theo quy định.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và các đại biểu HĐND tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014 và thay thế Nghị quyết số 83/2006/NQ-HĐND ngày 10/12/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về Phí sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

*Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Cà Mau khóa VIII, kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2014./.*

### **Nơi nhận:**

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL (BTP);
- TT. Tỉnh ủy;
- UBND tỉnh;
- BTT. UBMTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT: HĐND, UBND huyện, tp;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Cổng Thông tin Điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, 120

**CHỦ TỊCH**



**Bùi Công Bửu**